

Trung Quốc:

TỪ CÔNG NGHIỆP HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐẾN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HOÁ KIỂU MỚI

PHẠM SĨ THÀNH*

Lịch sử phát triển nền văn minh nhân loại là một quá trình phát triển từ thấp đến cao mà khởi đầu là nền văn minh nông nghiệp. Tuy nhiên, chỉ với khoảng thời gian hơn 200 năm (tính từ cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh), văn minh công nghiệp đã tạo ra những bước tiến dài về năng suất lao động, làm ra lượng của cải xã hội nhiều hơn cả ngàn năm trước đó. Bước vào thời cận đại, sự thắng thế của phương Tây công nghiệp hiện đại trước phương Đông nông nghiệp già cỗi *một mặt* mở ra sự thống trị của phương Tây trên phạm vi toàn thế giới, song *mặt khác*, chính điều đó cũng thúc tỉnh các nước phương Đông trong việc xem xét lại con đường phát triển của mình.

Trung Quốc cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó của lịch sử. Hơn 100 năm bị nô dịch giúp người Trung Quốc nhận ra rằng phương Tây không còn là "Dương di", lạc hậu mà phương Tây giờ đây đã chiếm lĩnh và tạo nên các đỉnh cao của văn minh nhân loại. *Hào quang của quá khứ, tâm vóc của truyền thống và khát vọng của hiện tại* là những nhân

tố chính thôi thúc các nhà lãnh đạo Trung Quốc quyết tâm tiến hành công nghiệp hoá. Lần lượt thế hệ các nhà lãnh đạo dân tộc từ Tôn Trung Sơn đến các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân đều đã cố gắng suy nghĩ, thực thi một con đường công nghiệp hoá phù hợp với tình hình thực tế của Trung Quốc. Bằng sự nỗ lực và sáng tạo của mình, người Trung Quốc đã dần hình thành nên một con đường *công nghiệp hoá mang đặc sắc Trung Quốc*. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (11/2002) đã chính thức đề ra chiến lược "đi theo con đường công nghiệp hoá kiểu mới". Được xếp ở vị trí thứ 2 trong số 14 điểm sáng tạo về lý luận kinh tế mà Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI đã nêu ra⁽¹⁾, lý luận về *con đường công nghiệp hoá kiểu mới* hứa hẹn một sự chuyển biến cơ bản của tiến trình công nghiệp hoá ở Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI.

* ThS. Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

I. VỀ CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HOÁ TRUYỀN THỐNG Ở TRUNG QUỐC

1. Công nghiệp hoá theo mô hình kế hoạch tập trung (1949 - 1978)

Mặc dù sự cố mặt của người phương Tây trong hơn 100 năm kể từ Chiến tranh nha phiến (1840 - 1842) đã cải thiện diện mạo kinh tế nông nghiệp truyền thống của Trung Quốc nhưng những mầm mống về kinh tế công nghiệp, thương nghiệp mà họ cấy lên vẫn không đủ mạnh để tạo ra một sự chuyển biến toàn diện cho xã hội Trung Quốc. Về cơ bản, Trung Quốc vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, trình độ canh tác thủ công, cơ sở công nghiệp thì yếu kém và không đồng bộ. Xuất phát từ thực tế đó, để có thể đưa đất nước phát triển giàu mạnh, chống lại sự đe dọa tấn công từ bên ngoài, các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận định chỉ có một sự lựa chọn. Đó là tiến hành công nghiệp hoá.

Trong giai đoạn này, con đường công nghiệp hoá mà Trung Quốc lựa chọn chịu nhiều ảnh hưởng của con đường mà Liên Xô đã đi. Nguyên do là bởi sự thành công của Liên Xô trong việc phát triển kinh tế và xây dựng quốc phòng đã tạo ra một lực hấp dẫn mạnh đối với nhiều quốc gia nhất là những quốc gia tiến hành xây dựng CNXH. Một nguyên do nữa là bản thân các nước phương Tây mà đứng đầu là Mỹ đã quay lưng lại, không sẵn sàng hợp tác với nước Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Sự lựa chọn mô hình kiểu Liên Xô là nguyên nhân chủ yếu khiến công nghiệp hoá ở Trung Quốc giai đoạn này mang đặc trưng cơ bản là *tập trung phát triển công*

ng nghiệp nặng, quy mô lớn, xây dựng dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà coi nhẹ sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; chủ quan, duy ý chí nên chưa đánh giá đúng mức vai trò của khoa học kỹ thuật đối với tiến trình công nghiệp hoá; mọi hoạt động công nghiệp hoá đều vận hành trong thể chế kinh tế kế hoạch, loại bỏ vai trò của thị trường và tác dụng của các quy luật kinh tế.

Không thể phủ nhận rằng dưới tác động của mô hình công nghiệp hoá này, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, đặc biệt nếu chúng ta so sánh với những gì Trung Quốc có được trước năm 1949.

Thứ nhất, quá trình công nghiệp hoá giúp Trung Quốc bước đầu xây dựng được một nền kinh tế độc lập, tự chủ, có thể tự cung tự cấp những sản phẩm quan trọng phục vụ đời sống và sản xuất. Năm 1966, tỷ lệ máy móc, thiết bị mà Trung Quốc có thể tự trang bị tăng lên hơn 90%.

Thứ hai, tuy chưa xây dựng được một nền công nghiệp đồng bộ và một nền kinh tế phát triển cân đối nhưng trong khi tiến hành công nghiệp hoá, Trung Quốc đã xây dựng được một số ngành công nghiệp mũi nhọn, có ý nghĩa hiện đại. Những ngành công nghiệp như: công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện tử, công nghiệp hoá chất, luyện kim, công nghiệp hoá dầu hiện đại đều đã được xây dựng và nhận được sự đầu tư lớn. Trong 10 năm (1966 - 1976), vốn đầu tư cho công

ngành điện tử của Trung Quốc đạt 2,715 tỷ đồng⁽²⁾.

Tuy nhiên, những bất cập trong chính sách lựa chọn ngành kinh tế chủ đạo của quá trình công nghiệp hoá, sự chủ quan duy ý chí đã khiến Trung Quốc phải trả những cái giá khá đắt. Chính việc dốc sức phát triển công nghiệp nặng, không chú ý đúng mức vai trò của nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và đặc biệt do quan điểm coi *đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển*, chưa nhận thức hết vị trí quan trọng của việc phát triển kinh tế đối với sự phát triển chung của xã hội nên quá trình công nghiệp hoá ở Trung Quốc giai đoạn 1949 - 1978 đã phải đứng trước những thử thách gay gắt, trong đó nổi cộm nhất là những vấn đề: đời sống của nhân dân không được đảm bảo, nền kinh tế mất cân đối, thiếu đồng bộ v.v... Ngoài ra, trong khi tiến hành công nghiệp hoá giai đoạn này, Trung Quốc chưa đưa được thành tựu khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế, dẫn đến hiệu quả công nghiệp hoá rất thấp kém. Tuy giai đoạn này, Trung Quốc đã phát triển được nhiều ngành công nghiệp mới (như công nghiệp vũ trụ) nhưng điều đó phải dựa rất nhiều vào sự giúp sức của Liên Xô.

2. Con đường công nghiệp hoá dưới sự chỉ đạo của lý luận Đặng Tiểu Bình

Bức tranh kinh tế với nhiều mảng màu ảm đạm ở Trung Quốc sau gần 30 năm tiến hành công nghiệp hoá theo mô hình Liên Xô đòi hỏi phải có sự điều chỉnh. Từ những kinh nghiệm xương máu của giai đoạn trước, với tinh thần *Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị*,

Đặng Tiểu Bình đã đưa đất nước Trung Quốc tiến bước vào một giai đoạn công nghiệp hoá mới với những bước đi thận trọng, được tính toán kỹ càng, bám sát vào tình hình thực tế của đất nước. Nhìn chung, quá trình công nghiệp hoá ở Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của lý luận Đặng Tiểu Bình đã được tiến hành với một số chuyển hướng căn bản:

Trước hết, Đặng Tiểu Bình đã định vị lại vị trí của Trung Quốc trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hoá. Với dũng khí nhìn thẳng vào sự thật, Đặng Tiểu Bình chỉ ra rằng, Trung Quốc hiện mới chỉ thuộc vào "giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội". Điều đó như nhằm thức tỉnh người Trung Quốc, buộc họ phải nhìn vào xuất phát điểm thực tế của mình. Chính từ nhận thức này, Trung Quốc đã tiến hành một quá trình công nghiệp hoá với nhiều đặc trưng khác so với giai đoạn trước đó mà *trước hết là trở lại với vấn đề phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ nhằm đảm bảo đời sống của người dân.* Cũng với con mắt nhìn mang tính cầu thị, Đặng Tiểu Bình đã đề ra những chỉ tiêu công nghiệp hoá "vừa tầm": đặt mục tiêu đến cuối thế kỷ XX đạt mức sống khá giả, thu nhập bình quân của người dân đạt 800 USD và tổng giá trị sản phẩm quốc dân đạt 1.000 tỷ USD. Đặc biệt Đặng Tiểu Bình đã đề ra chiến lược công nghiệp hoá "3 bước" rất cụ thể.

Hai là, trong giai đoạn này, quá trình công nghiệp hoá được thực hiện với nỗ lực khôi phục vai trò điều tiết của thị trường và vai trò của các quy luật kinh tế cơ bản. Trước đây, do quan niệm sai lầm,

kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường thường bị đối lập tuyệt đối, trở thành tiêu chí phân định CNXH và CNTB. Kết quả là kinh tế kế hoạch đã không huy động được hết các nguồn lực cho công nghiệp hoá. Từ năm 1978, vấn đề kinh tế thị trường đã được nhìn nhận một cách khách quan hơn. Sau chuyến thị sát xuống phía Nam của Đặng Tiểu Bình (năm 1992), nhất là từ sau Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc, vấn đề xây dựng *thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa* đã được chính thức nêu ra như một nhiệm vụ quan trọng và tất yếu.

Ba là, Đặng Tiểu Bình đã nhìn thấy sức mạnh của khoa học kỹ thuật và luôn khẳng định "*Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất*". Dưới sự chỉ đạo của tư tưởng này, quá trình công nghiệp hoá của Trung Quốc giai đoạn 1978 - 2002 đã "đặt sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật và giáo dục vào vị trí quan trọng hàng đầu và chuyển xây dựng kinh tế sang quỹ đạo dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực của người lao động"⁽³⁾.

Cuối cùng, một chuyến hướng rõ nét so với giai đoạn công nghiệp hoá thời Mao Trạch Đông là Đặng Tiểu Bình đã đề ra lý luận coi cải cách là động lực của sự phát triển. Đặng Tiểu Bình đã có công rất lớn khi chỉ ra rằng: cải cách cũng chính là một động lực của sự phát triển, nếu chỉ đấu tranh về chính trị mà không chú trọng đúng mức vấn đề sản xuất thì Trung Quốc sẽ mãi là một nước nghèo đói, không thể thực hiện được nhiệm vụ công nghiệp hoá và xây dựng thành công CNXH.

Những chuyển hướng nêu trên đã tác động tích cực đến quá trình công nghiệp hoá ở Trung Quốc trong 25 năm qua. Biểu hiện sinh động nhất cho những thành công của công cuộc công nghiệp hoá là thực lực kinh tế của Trung Quốc không ngừng lớn mạnh. Từ năm 1979 đến năm 2004, GDP của Trung Quốc tăng bình quân 9,7%/năm⁽⁶⁾. Từ năm 2001 đến nay, tổng lượng kinh tế của Trung Quốc vươn lên đứng vị trí thứ 6 thế giới, sau Mỹ, Nhật Bản, Đức, Pháp và Anh. Riêng năm 2004, GDP đạt 13651,5 tỷ NDT, tăng 9,5% ; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 1154,8 tỷ USD so với năm trước, đưa Trung Quốc lên đứng hàng thứ 3 thế giới, sau Mỹ và Đức⁽⁶⁾. Đặc biệt, Trung Quốc là nước thứ 3 trên thế giới đã thành công trong việc đưa con người vào vũ trụ. Sự kiện "tàu Thần Châu 5" là một tín hiệu cho thấy nền kinh tế Trung Quốc hoàn toàn có thể đủ sức đi vào những lĩnh vực đòi hỏi một trình độ khoa học công nghệ cao mà bản thân nhiều quốc gia phát triển chưa nắm bắt được.

Tuy nhiên, bên cạnh tốc độ phát triển khiến cả thế giới phải chóng mặt ấy, quá trình công nghiệp hoá ở Trung Quốc giai đoạn vừa qua vẫn còn nhiều điểm chưa làm được, thậm chí tiềm ẩn những nguy cơ của sự khủng hoảng như: (1). Tình trạng chênh lệch về mức sống của người dân ngày càng cao. (2). Tình trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác ở mức quá tải, trong số 45 loại khoáng sản chủ yếu được khai thác hiện nay thì hơn 10 loại có trữ lượng thăm dò ở mức thấp, nếu tiêu thụ theo mức bình quân của Mỹ thì chỉ 2 năm nữa lượng dầu thô của Trung Quốc sẽ cạn, trong 4

năm nữa tài nguyên rừng sẽ bị chặt phá hết, trữ lượng than sẽ cạn sau 85 năm⁽⁶⁾.

(3). Trình độ khoa học công nghệ của Trung Quốc vẫn chưa bắt kịp được nhiều nước phát triển trên thế giới. Theo thống kê, chỉ có 10% (trong tổng số 15.000) doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc được tin học hoá.

Thách thức và cơ hội đòi hỏi phải có một chiến lược công nghiệp hoá mới, phù hợp với tình hình hiện tại để tạo nên sức mạnh giúp Trung Quốc đi xa.

II. CON ĐƯỜNG "CÔNG NGHIỆP HOÁ KIỂU MỚI" - CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HOÁ ĐẶC SẮC TRUNG QUỐC

1. Sự đề xuất "con đường công nghiệp hoá kiểu mới"

Trước những thử thách và vận hội nêu trên, để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, tháng 11 năm 2002, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chính thức đề ra nhiệm vụ: "Đi theo con đường công nghiệp hoá kiểu mới, thực hiện mạnh mẽ chiến lược khoa giáo hưng quốc và chiến lược phát triển bền vững"; "Thông tin hoá là sự lựa chọn tất yếu để Trung Quốc đẩy nhanh việc thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Kiên trì lấy thông tin hoá lôi kéo công nghiệp hoá, lấy công nghiệp hoá thúc đẩy thông tin hóa, đi con đường công nghiệp hoá kiểu mới với hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, hiệu quả kinh tế lớn, ít tiêu hao tài nguyên, ít ô nhiễm môi trường, phát huy đầy đủ ưu thế về nguồn vốn con người"⁽⁷⁾.

Với nhận thức này, quá trình công nghiệp hoá của Trung Quốc đã có một sự

chuyển hướng mới mà ở đó, công nghiệp hoá ngày càng hướng tới việc tận dụng những thành tựu của ngành công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật cao, đồng thời cũng chú trọng đến sự tăng trưởng bền vững.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của chiến lược công nghiệp hoá kiểu mới

Là quốc gia tiến hành công nghiệp hoá tương đối muộn, lại bị tụt hậu (so với nhiều nước phát triển) trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật cao nên mục tiêu chủ yếu của Trung Quốc là phải nhanh chóng tận dụng thành tựu của ngành thông tin để tiến hành công nghiệp hoá thành công trong khoảng 20 năm đầu của thế kỷ XXI. *Mục tiêu cụ thể của chiến lược công nghiệp hoá kiểu mới là đến năm 2020, GDP của Trung Quốc phải tăng gấp 4 lần so với năm 2000 (tức khoảng 4000 tỷ USD), tỷ trọng của lao động nông nghiệp giảm từ 50% xuống còn 30% và xây dựng thành công xã hội khá giả toàn diện.* Đây là một mục tiêu khó khăn nhưng không phải là không thể thực hiện được bởi Trung Quốc có lợi thế của quốc gia phát triển sau. Cùng với việc chuyển giao công nghệ ngày càng nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu, việc đi sau trong phát triển công nghệ ở một chừng mực nhất định giúp cho Trung Quốc có được những công nghệ trung bình hoặc tiên tiến mà chỉ cần ít thời gian và vốn đầu tư cho nghiên cứu. Lịch sử cũng cho thấy, thời gian để thực hiện thành công công nghiệp hoá trên thế giới đang ngày càng được rút ngắn. Nếu trước kia Anh, Mỹ

tiến hành công nghiệp hoá trong khoảng 200 năm, Nhật Bản thực hiện công nghiệp hoá trong khoảng hơn 100 năm (tính từ Minh Trị Duy tân) thì Hàn Quốc chỉ trong hơn 30 năm đã công nghiệp hoá toàn bộ đất nước. Vì vậy, có đủ cơ sở để tin tưởng khoảng thời gian 20 năm tới đủ để Trung Quốc thực hiện thành công nhiệm vụ đã đề ra.

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, Trung Quốc xác định trong giai đoạn công nghiệp hoá này phải thực hiện được một số nhiệm vụ cơ bản:

Trước hết, phải cơ bản hoàn thành nhiệm vụ lấy thông tin hoá phục vụ sự phát triển của công nghiệp hoá, thực thi chiến lược khoa giáo hưng quốc, phát triển công nghệ thông tin và ngành khoa học kỹ thuật cao. Đây là khâu đột phá cũng là chìa khoá dẫn tới sự thành công của con đường công nghiệp hoá kiểu mới. Muốn công nghiệp hoá thành công, Trung Quốc phải nắm bắt được những công nghệ tiên tiến, đặc trưng của thời đại. *Đó là một yêu cầu khách quan, tất yếu và mang tính lịch sử.* Trong thời đại bùng nổ về công nghệ thông tin, chủ trương đưa thông tin hoá vào phục vụ công nghiệp hoá là một chủ trương sáng suốt và nhạy bén, thể hiện được tầm nhìn sâu rộng của Trung Quốc.

Có thể nói, sau hơn 20 năm cải cách mở cửa, ngành công nghệ thông tin của Trung Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung Quốc vẫn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, để đưa thông

tin hoá vào phục vụ công nghiệp hoá, Ủy ban kế hoạch nhà nước Trung Quốc đã đề ra 10 nhiệm vụ cho ngành công nghiệp kỹ thuật thông tin trong thời gian Kế hoạch 5 năm lần thứ X. Cụ thể là: (1) Thúc đẩy một cách khoa học, có hiệu quả việc doanh nghiệp thực hiện thông tin hoá, đẩy nhanh bước phát triển thông tin hoá của doanh nghiệp nhằm nâng cao toàn diện sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế, trở thành chủ thể thị trường giàu sức sống. (2) Đối với những lĩnh vực, ngành trọng điểm, cần từng bước thiết lập hệ thống hỗ trợ thông tin hoàn chỉnh; cố gắng rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển tiên tiến ngay từ những khâu thiết bị, kỹ thuật, thị trường, quản lý, cơ chế vận hành, bồi dưỡng cán bộ; tạo môi trường thông tin hoá tốt, phục vụ cho việc điều chỉnh kết cấu bên trong những ngành, lĩnh vực này. (3) Đẩy nhanh tiến trình thông tin hoá trong các ngành dịch vụ, đặc biệt là ngành tiền tệ và thương nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các ngành kinh tế khác. (4) Tập trung phát triển hệ thống thương mại điện tử và chính phủ điện tử. (5) Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin ngày càng hoàn thiện nhằm phục vụ sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước và thu hút hơn nữa sự đầu tư của nước ngoài. (6) Đẩy nhanh sự phát triển của ngành kỹ thuật thông tin nhằm cung cấp trang thiết bị, kỹ thuật và sự hỗ trợ chuyên ngành cho sự nghiệp thông tin hoá nền kinh tế. (7) Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng mạng Internet, nâng cao tính năng và chất lượng dịch

vụ mạng và không ngừng hạ thấp giá thành. (8) Tích cực tìm ra những quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất thông tin. (9) Phát triển mạnh mẽ ngành dịch vụ thông tin, đẩy nhanh tiến trình thương mại hoá nguồn vốn thông tin. (10) Phát huy ưu thế của mạng thông tin, phục vụ sự phát triển đồng đều của miền Đông, miền Trung, miền Tây.

Trong đó, 3 ngành trọng điểm cần ưu tiên phát triển đã được Trung Quốc xác định là: ngành công nghiệp phần mềm; ngành sản xuất máy và linh kiện máy vi tính; ngành công nghiệp thiết bị thông tin.

Hai là, để thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hoá kiểu mới, một nhiệm vụ không kém phần quan trọng là phải điều chỉnh và nâng cấp kết cấu ngành kinh tế. Sở dĩ, vấn đề điều chỉnh và nâng cấp kết cấu ngành được nêu lên thành một nhiệm vụ cấp bách bởi công nghiệp hoá phải tạo nên được một diện mạo kinh tế phát triển cân đối, đồng bộ; bộ mặt kinh tế nông nghiệp truyền thống phải được thay thế bằng nền kinh tế công nghiệp và duy trì được tỷ trọng hợp lý giữa các ngành công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ. Xét từ thực tiễn Trung Quốc sau hơn 50 năm công nghiệp hoá, có thể nhận thấy kết cấu kinh tế Trung Quốc tồn tại nhiều điểm cần giải quyết: (1). Sự mất cân đối về kết cấu giá trị sản lượng và kết cấu lao động giữa các ngành kinh tế. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp (50%) và tỷ lệ dân cư sống ở thành thị của Trung Quốc

(37,66%) vẫn chưa đạt tới mức hợp lý của một nước công nghiệp hoá (dưới 20% và trên 60%). (2). Khả năng thu hút lao động của ngành công nghiệp còn thấp kém. (3). Những ngành có tốc độ tăng trưởng cao chưa có được vị thế nổi bật. (4). Ngành dịch vụ phát triển còn chậm chạp. Theo đánh giá, tỷ trọng của ngành dịch vụ Trung Quốc trong GDP thấp hơn 10-17% so với các nước có cùng mức thu nhập.

Đứng trước thực trạng này, Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI đã nêu rõ kết cấu ngành ở Trung Quốc cần điều chỉnh theo hướng: "Lấy ngành kỹ thuật cao làm tiên phong, lấy ngành cơ bản và chế tạo máy làm trụ cột, phát triển toàn diện ngành dịch vụ"⁽⁶⁾.

Con đường công nghiệp hoá kiểu mới đã nêu lên nhiệm vụ hàng đầu là đưa thông tin hoá vào phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chỉ đơn thuần chú trọng phát triển ngành công nghệ thông tin mà mục đích cuối cùng của thông tin hoá là tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật cao để tạo ra tác động kinh tế liên ngành, tạo nên sự kết hợp, thúc đẩy hai chiều giữa các ngành kinh tế. Nói cách khác là dùng thông tin hoá để quay trở lại tổ chức hợp lý hoá kết cấu kinh tế và tạo nên một cuộc cách mạng hiện đại hoá các ngành truyền thống. Trong tác động kinh tế liên ngành, Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI đặc biệt nhấn mạnh đến hai mối quan hệ: (1) Quan hệ giữa ngành công nghệ thông tin với ngành chế tạo máy. (2). Quan hệ giữa công

ngành, công nghệ thông tin với ngành dịch vụ.

Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, Trung Quốc cần tập trung củng cố, phát triển và không ngừng nâng cao vị thế của ngành công nghiệp chế tạo ở thị trường trong nước và trên trường quốc tế. Phương châm đề ra là: "Dùng kỹ thuật cao và kỹ thuật ứng dụng tiên tiến để cải tạo các ngành nghề truyền thống, phát triển mạnh mẽ ngành chế tạo trang thiết bị"⁽⁹⁾. Đây là một chủ trương đúng đắn bởi lẽ công nghiệp chế tạo là xương sống của nền kinh tế, ngành này trang bị điều kiện hoạt động cho hầu hết các ngành kinh tế khác.

Trong giai đoạn công nghiệp hoá dưới thời Mao Trạch Đông, với sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc đã xây dựng được 156 hạng mục công trình công nghiệp nặng, tỷ trọng của hàng chế tạo trong xuất khẩu của Trung Quốc đã tăng từ 49,8% (năm 1980) lên 77,5% (năm 1992); ngày nay, Trung Quốc đã xuất khẩu nhiều mặt hàng có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao và đã tự chế tạo được tàu vũ trụ nhưng vị thế của công nghiệp chế tạo Trung Quốc trên trường quốc tế vẫn còn khiêm tốn. Trong số 500 doanh nghiệp mạnh của thế giới không có một doanh nghiệp nào thuộc ngành chế tạo của Trung Quốc, năng suất lao động trong ngành chế tạo của Trung Quốc chỉ bằng 1/23 của Mỹ, 1/25 của Nhật Bản và 1/18 của Đức; đại bộ phận doanh nghiệp thuộc ngành chế tạo có năng lực nghiên cứu sáng tạo kỹ thuật thấp⁽¹⁰⁾. Vai trò của thông tin hoá đối với sự phát triển

của ngành công nghiệp chế tạo được thể hiện: nếu đưa được công nghệ thông tin vào phục vụ trực tiếp từ khâu điều tiết vật tư, lưu thông vốn, trao đổi thông tin, quản lý sản xuất, Trung Quốc sẽ nâng cao được chất lượng sản phẩm và năng suất lao động của ngành chế tạo. Hơn nữa, sự phát triển của công nghệ thông tin sẽ giúp ngành chế tạo Trung Quốc có nhiều cơ hội hơn trong việc tham gia vào sự phân công lao động quốc tế. Đưa thông tin vào phát triển ngành công nghiệp chế tạo càng trở thành một nhiệm vụ cấp thiết, không thể chậm trễ nếu biết rằng tại các nước phát triển, quá trình thông tin hoá ngành công nghiệp chế tạo đã hoàn thành từ những năm 80 của thế kỷ XX và hiện nay các quốc gia này đang ở trong giai đoạn phát triển ngành công nghiệp chế tạo theo hướng trí tuệ nhân tạo hoá.

Trong chiến lược công nghiệp hoá kiểu mới, Trung Quốc cũng cần phải: "Tăng tốc độ phát triển của ngành dịch vụ hiện đại, nâng cao tỷ trọng ngành dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân". Hiện nay, một số lĩnh vực dịch vụ Trung Quốc cần tập trung phát triển chủ yếu bao gồm:

(1). Ngành bất động sản, nhà đất và ngành xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan đến đô thị hoá. Đây là hai ngành mang tính liên đới rộng, bởi sự phát triển của các ngành này sẽ kéo theo sự phát triển tương ứng của ngành gang thép, kim loại màu, chế tạo máy móc, hoá học, nguyên vật liệu xây dựng, đồ điện gia dụng v.v... Tại nhiều quốc gia, giá trị tài

sản của ngành bất động sản luôn chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (ở Mỹ là 11,8%; Canada là 15,7%; Nhật Bản là 11%; Pháp là 7%; Na Uy là 9,6%; Philippin là 6,7%; Thái Lan và Ấn Độ là 4,4% và 3,3%)⁽¹¹⁾. Với tỷ trọng mới chỉ đạt mức 1,7-1,9% trong GDP như hiện nay, ngành bất động sản của Trung Quốc có tiềm năng phát triển rất lớn và cần được đầu tư.

(2). Ngành dịch vụ lưu thông (bao gồm các ngành dịch vụ phân phối sản phẩm, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi v.v...). Tầm quan trọng của ngành dịch vụ này thể hiện ở chỗ nó không chỉ thu hút nhiều lao động (năm 2000 thu hút được 20 triệu lao động, hứa hẹn mỗi năm sẽ cung cấp thêm 15 triệu việc làm) mà quan trọng hơn cả là sẽ thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Sự kém phát triển của ngành dịch vụ lưu thông khiến chi phí lưu thông bình quân của các doanh nghiệp Trung Quốc luôn ở mức rất cao (chiếm tới 40% giá thành sản phẩm, trong khi đó chi phí này của các doanh nghiệp Mỹ chỉ từ 10-20%), ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng hoá Trung Quốc.

(3). Ngành du lịch. Từ trước đến nay, du lịch luôn được xem là một ngành công nghiệp không khói, đem lại nhiều lợi nhuận. Với lợi thế của một quốc gia có nền văn hoá 5000 năm tuổi, bảo tồn được nhiều công trình văn hoá vật thể kỳ vĩ, có nền văn hoá phi vật thể phong phú, độc đáo, giá du lịch rẻ, Trung Quốc chắc chắn sẽ trở thành một thị trường du lịch hấp dẫn với du khách của nhiều nước trên thế giới.

Thứ ba, con đường công nghiệp hoá kiểu mới đòi hỏi Trung Quốc phải thực hiện nhiệm vụ khôi phục và chấn hưng các cơ sở công nghiệp cũ. Trong 156 hạng mục công nghiệp nặng do Liên Xô giúp đỡ xây dựng từ nửa thế kỷ trước có 118 hạng mục (chiếm 79% trong tổng số 150 hạng mục thực tế) được xây dựng tại vùng Đông Bắc của Trung Quốc. Tuy nhiên, sau này, với sự chuyển hướng tập trung phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, với việc mở cửa 14 thành phố và xây dựng 5 đặc khu kinh tế ven biển, miền Đông Bắc không còn nhận được sự đầu tư mạnh mẽ như thời kỳ trước, các cơ sở công nghiệp ở đây cũng vì thế mà trở nên lạc hậu. Việc chú trọng khôi phục, phát triển các cơ sở công nghiệp cũ là một việc làm cần thiết bởi nhiều lý do: (1). Sau hơn 20 năm cải cách mở cửa, phát triển duyên hải miền Đông, sau khi một số khu vực có điều kiện được phát triển lên trước và đã tạo được một sự tích lũy nhất định thì đây chính là lúc các khu vực này quay lại giúp đỡ những khu vực khác cùng phát triển, để đạt tới mục tiêu "cùng giàu có". (2). Việc khôi phục, chấn hưng các cơ sở công nghiệp cũ có lợi và phù hợp cho việc củng cố và phát triển ngành công nghiệp chế tạo bởi trước kia nơi đây đã từng là cái nôi của ngành công nghiệp chế tạo Trung Quốc.

Việc thực thi con đường công nghiệp hoá kiểu mới đòi hỏi Trung Quốc phải hoàn thành nhiệm vụ đô thị hoá, không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân, đồng thời chú trọng tăng trưởng bền

vững. Đô thị hoá là một hiện tượng quan trọng của công nghiệp hoá. Thông thường, những nước công nghiệp hoá ở giai đoạn càng cao thì mức độ đô thị hoá càng lớn. Nhìn lại lịch sử công nghiệp hoá ở Trung Quốc giai đoạn trước đây có thể nhận thấy mức độ đô thị hoá chưa tương xứng với tốc độ phát triển của quá trình công nghiệp hoá. Đến năm 1980, tỷ lệ cư dân sống ở các đô thị Trung Quốc chưa bao giờ đạt mức 20% tổng số dân⁽¹²⁾.

Bước sang giai đoạn 1978 - 2002, quá trình đô thị hoá ở Trung Quốc đã có những chuyển biến rõ rệt: tỷ lệ dân cư sống ở các đô thị năm 1995 đạt 29,04%, mức tăng trưởng dân số đô thị giai đoạn 1980 - 1995 đạt 4,1%/năm (cao hơn mức bình quân 2,6% của thế giới). Nhưng nhìn chung, tiến trình đô thị hoá của Trung Quốc hơn 20 năm qua vẫn chưa theo kịp tiến trình công nghiệp hoá. Để đạt được mục tiêu đưa tỷ lệ dân cư ở thành thị lên trên 60%, Trung Quốc đã đề ra chiến lược đô thị hoá mới, trong đó không chỉ coi trọng việc phát triển các thành phố lớn hoặc trung bình mà còn chú ý xây dựng các thành phố nhỏ và thị trấn nhỏ.

Cuối cùng, để có thể thực hiện thành công chiến lược công nghiệp hoá kiểu mới, một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cơ bản là phải đảm bảo sự phát triển của văn hoá giáo dục, nâng cao tố chất con người của dân tộc Trung Hoa. Bởi xét cho cùng, vấn đề con người, tố chất con người vẫn là nhân tố then chốt, quyết định tính bền vững của sự phát triển.

3. Đòi điều nhận thức về con đường công nghiệp hoá kiểu mới

Trở lại với tên gọi *Con đường công nghiệp hoá kiểu mới*, thực ra, tên gọi này là để chỉ ra những sự khác biệt về đặc trưng của quá trình công nghiệp hoá lần này so với những đặc trưng của mô hình công nghiệp hoá truyền thống.

Trước hết, so với con đường công nghiệp hoá truyền thống của thế giới, con đường công nghiệp hoá kiểu mới có một số đặc trưng nổi bật:

Một là, thực hiện kết hợp cùng lúc hai quá trình công nghiệp hoá và thông tin hoá. Mặc dù tại các quốc gia phát triển, quá trình thông tin hoá ngành công nghiệp chế tạo đã được hoàn thành từ cách đây hơn 20 năm nhưng quá trình thông tin hoá, tin học hoá đó chỉ diễn ra sau khi các quốc gia này hoàn thành quá trình công nghiệp hoá. Trái lại, ở Trung Quốc, việc ứng dụng công nghệ thông tin là để nhanh chóng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá đất nước.

Hai là, thực hiện sự kết hợp giữa công nghiệp hoá với tăng trưởng bền vững, bảo vệ môi trường. Trước đây, ở nhiều nước quá trình công nghiệp hoá thường kéo theo việc phải chấp nhận tiêu hao nhiều nguồn tài nguyên và huỷ hoại môi trường. Vì thế, với ý thức và trách nhiệm đối với các thế hệ sau, bằng sự cố gắng của mình, Trung Quốc đã đề ra nhiệm vụ khống chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà vẫn đảm bảo thực hiện thành công công nghiệp hoá.

Ba là, thực hiện kết hợp công nghiệp hoá với giải quyết vấn đề việc làm. Sự ra

đời của sản xuất bằng máy móc, việc ứng dụng thành tựu của điện khí hoá và đặc biệt là thành tựu của ngành tự động hoá vào sản xuất khiến cho nhiều lao động bị thất nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá. Đối với một nước chịu sức ép về việc làm lớn như Trung Quốc thì chủ trương này không chỉ là sự đảm bảo cho thành công của quá trình công nghiệp hoá mà còn là sự đảm bảo cho sự ổn định về mặt chính trị - xã hội.

So với con đường công nghiệp hoá truyền thống ở Trung Quốc trước đây, chiến lược công nghiệp hoá lần này cũng hàm chứa những đặc trưng mới:

Thứ nhất, chính sách phát triển kinh tế ngành có nhiều khác biệt. Trước đây, có những giai đoạn, nhiệm vụ công nghiệp hoá được dồn sức vào đôi vai của ngành công nghiệp nặng, có những giai đoạn công nghiệp hoá trước hết lại trở về với vấn đề phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Quá trình công nghiệp hoá kiểu mới lần này đòi hỏi một sự phát triển đồng bộ, có sự liên thông, tác động qua lại giữa các ngành kinh tế. Trong đó, có những ngành sẽ đóng vai trò mũi nhọn (ngành công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật cao), có những ngành đóng vai trò trụ cột cơ bản (công nghiệp chế tạo), có những ngành sẽ là phương hướng phát triển của quá trình công nghiệp hoá tương lai (ngành dịch vụ).

Thứ hai, chính sách phát triển kinh tế vùng cũng có những thay đổi cơ bản. Như ta đã biết, trong giai đoạn công nghiệp hoá 1949 - 1978, khu vực được tập trung phát triển mạnh nhất là miền

Tây và Đông Bắc. Đến giai đoạn 1978 - 2002, công nghiệp hoá lại phát triển tập trung chủ yếu ở vùng duyên hải phía Đông. Sự phát triển mất cân đối giữa các vùng kinh tế chỉ có thể mang tính tạm thời còn về lâu dài, yêu cầu phát triển kinh tế và cả về an ninh xã hội đều đòi hỏi các vùng miền phải có sự phát triển hài hoà, cân đối. Với chính sách khôi phục, chấn hưng các cơ sở công nghiệp cũ, với chính sách phát triển thông tin hoá ở khu vực miền Tây, con đường công nghiệp hoá kiểu mới đang tạo ra cho miền Tây và Đông Bắc Trung Quốc một vận hội phát triển mới.

*
* *

Kornai János - nhà kinh tế học người Hungari - đã có một nhận xét rất sắc sảo: "Mao Trạch Đông không giống với Stalin hay Tito, và Đặng Tiểu Bình cũng không giống với János Kádár hay Mikhail Gorbachev. Ở mỗi giai đoạn, chính sách của Trung Quốc cũng đều có những khác biệt đáng kể so với chính sách mà các nước khác theo đuổi, dù các nước này là các nước XHCN hay các nước phi XHCN"⁽¹³⁾. Quả thật, trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, Trung Quốc luôn muốn tìm ra một con đường phát triển của riêng mình, tiến lên với cách thức của riêng mình - cách thức của một nước lớn.

Trung Quốc là một nước lớn song đã từng đánh mất mình vào thời cận hiện đại. Ngày nay, Trung Quốc đang khát

khao tìm lại vị thế của mình. Vấn đề không chỉ là mục tiêu, mà quan trọng là biện pháp thực thi và nội dung tiến hành.

Con đường công nghiệp hoá kiểu mới chính là câu trả lời cho cả thế giới thấy Trung Quốc đang đi nốt chặng đường công nghiệp hoá, tiến vào kỷ nguyên hiện đại hoá với tư thế và cách thức của một nước lớn, mang tầm thế giới. Chúng ta tin rằng trong một tương lai không xa, Trung Quốc sẽ hoàn thành hành trình tìm lại vị thế của mình trên bản đồ chính trị và kinh tế thế giới.



CHÚ THÍCH:

(1). Tham khảo thêm Báo cáo tại Đại hội XVI: Những sáng tạo mới về lý luận kinh tế, Bắc Kinh Nhật báo, số ra ngày 10 tháng 2 năm 2003.

(2). Lã Chính, Sử Trung Lương (chủ biên): Từ nghèo khó tiến tới khá giả: 50 năm kinh tế Trung Quốc, sdd, tr. 240.

(3). Triệu Tử Dương: Tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc, Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc.

(4). Tô Kiến Quốc: Về những thành tựu cải cách mở cửa của Trung Quốc, trong sách Nguyễn Văn Hồng (chủ biên): Trung Quốc cải cách mở cửa - Những bài học

kinh nghiệm, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 6.

(5). Cổ Tiểu Tùng: Hợp tác Đông Á: Từ 10 + 1 đến 10 + 3. Tham luận tại cuộc Hội thảo do Viện Kinh tế và chính trị thế giới tổ chức.

(6). Công báo Thống kê phát triển kinh tế và xã hội quốc dân năm 2004 nước CHND Trung Hoa. Cục Thống kê Nhà nước nước CHND Trung Hoa ngày 28-2-2005.

(7). Giang Trạch Dân: Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra cục diện mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc, Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, (tiếng Trung), Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 2002, tr. 21.

(8), (9). Giang Trạch Dân: Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra cục diện mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc, Tlđd, tr. 21, 22.

(10). Lý Kiện: Thúc đẩy mạnh mẽ thông tin hoá ngành công nghiệp chế tạo, (tiếng Trung), Tạp chí Cầu thị, số 1 năm 2003, tr.51.

(11). Tổ chuyên đề Viện KHXH Trung Quốc: Năm chắc việc điều chỉnh, nâng cấp kết cấu ngành; thúc đẩy sự phát triển của các ngành trụ cột mới, (tiếng Trung), Tạp chí Nghiên cứu kinh tế vĩ mô, số 5 năm 2003; tr. 5.

(12). Tham khảo thêm Francois Gipouloux: Trung Quốc đi tới kinh tế thị trường? Cuộc trường chinh sau Mao, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 30.

(13). Kornai János: Hệ thống xã hội chủ nghĩa, Nxb Văn hoá thông tin, Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, Hà Nội, 2002, tr. 2-3.